



QUAN HỆ GIỮA TRUYỀN THÔNG VÀ DÂN CHỦ DƯỚI GÓC NHÌN LỊCH SỬ

Nguồn: Marc F. Plattner (2012). "Media and Democracy: The Long View", *Journal of Democracy*, Vol. 23, No. 4 (October), pp. 62-73.

Biên dịch: Bùi Thị Hoàng Hà | **Hiệu đính:** Phạm Thị Huyền Trang

Ngày nay tất cả chúng ta đều ý thức được đang sống trong cuộc cách mạng thông tin liên lạc. Trong suốt hai thập kỉ qua, chúng ta đã được chứng kiến những tiến bộ vượt bậc trong công nghệ truyền thông và trong cách áp dụng chúng - cách đây chỉ một vài năm không ai có thể tiên đoán được sự bùng nổ của mạng xã hội Facebook hay Twitter. Hơn nữa, những sự đổi mới (công nghệ) đó dường như vẫn đang tiếp diễn với một nhịp độ phát triển mau lẹ. Giới trẻ ngày nay được sinh ra trong một thế giới đầy biến đổi - họ khó có thể tưởng tượng nổi cuộc sống trước kia khi chưa có mạng Internet và điện thoại di động. Ngay cả ở các nước kém phát triển hơn, nơi mà Internet vẫn bị hạn chế, điện thoại di động đang ngày càng được sử dụng rộng rãi.

Theo nhiều cách, phương tiện truyền thông kĩ thuật số mới rõ ràng đang làm thay đổi cuộc sống thường ngày của con người. Đối với cá nhân tôi, mặc dù tôi không cho đó là ví dụ điển hình, thói quen hằng ngày của tôi đã được cách mạng hóa hoàn toàn bởi sự ra đời của thư điện tử. Nhờ có thư điện tử, những công việc từng được gọi là "công việc văn phòng" giờ đây có thể đi theo chúng ta đến khắp mọi nơi, thậm chí ngay trong kì nghỉ. Không nghi ngờ gì nữa, thành tựu này đã mang lại lợi ích rất lớn trong quá trình xử lý công việc kịp thời và hiệu quả, nhưng nó cũng đã thay đổi nhịp điệu cuộc sống của chúng ta một cách triệt để. Không còn nữa những ngày tháng khi ta phải tới văn phòng làm việc từ sáng sớm, nhâm nhi một tách cà phê trong khi đọc báo và chờ đợi thư từ dịch vụ bưu chính. Có thể để

dàng liệt kê một loạt những khía cạnh đời sống chịu sự tác động của mạng Internet, từ các hoạt động mang tính chuyên nghiệp như báo chí và nghiên cứu học thuật đến các vấn đề cá nhân trong cuộc sống như tình bạn hay tình yêu.

Phương tiện truyền thông đại chúng mới cũng đang tác động đến nền chính trị và dân chủ, tuy nhiên tôi phải nói rằng vẫn còn quá sớm để biết được ảnh hưởng đó sẽ là cơ bản hay chuyển biến như thế nào. Trong suốt thập kỉ 1990 hậu Chiến tranh Lạnh, những người đam mê mạng đã cho rằng mạng Internet sẽ thay đổi đáng kể tính chất của đời sống chính trị, nó sẽ mở ra một "thế giới vô biên", trong đó các cộng đồng ảo nối mạng sẽ lật đổ các quốc gia – dân tộc kiểu cũ và kết nối mạng theo chiều ngang sẽ phá hủy hoàn toàn tất cả các mô hình tổ chức có thứ bậc theo chiều dọc. Tuy nhiên, không bao lâu sau đó, thực tế đã chứng minh tính bất khả thi của sự biến đổi sâu rộng này, bởi các quốc gia – dân tộc đã thể hiện rằng họ hoàn toàn có khả năng áp đặt những giới hạn thực tế đối với việc sử dụng Internet. Cho đến nay, trên thực tế, tác động của phương tiện truyền thông mới lên đời sống chính trị không nghiêm trọng bằng những tác động nảy sinh từ sự xuất hiện và ảnh hưởng rộng rãi của truyền hình. Thật vậy, ngay trong những năm gần đây, sự phát triển của truyền hình vệ tinh và truyền hình cáp (một chủ đề tôi sẽ đề cập sau) đã tác động tới chính trị nhiều hơn bất kì sự tiến bộ nào trong phương tiện truyền thông kĩ thuật số.

Điều này không hề phủ nhận những tác động chính trị quan trọng mà các phương tiện truyền thông mới đem lại, hay phủ nhận tầm ảnh hưởng của chúng trong tương lai. Việc sử dụng phương tiện truyền thông mới trong suốt các cuộc nổi dậy Ả Rập gần đây đã chứng minh rằng những tiến bộ khoa học đó rõ ràng là một loại vũ khí mới hữu ích đối với những người đang thách thức chế độ độc tài - thậm chí ngay cả giới cầm quyền cũng đang giong mình tìm cách sử dụng các công cụ tương tự để ngăn chặn họ.

Các công nghệ mới cũng tạo ra những thay đổi trong một vài khía cạnh chính trị của các nước theo chế độ dân chủ, đáng chú ý là công tác vận động chính trị và gây quỹ. Tóm lại, các phương tiện truyền thông mới đang ảnh hưởng đến cách thức hình thành và lan truyền dư luận. Sự phổ biến ngày một rộng rãi của phương tiện truyền thông trực tuyến trong các nền dân chủ lâu đời là nguyên nhân chính khiến cho lượng độc giả và lợi nhuận của báo viết bị sụt giảm. Trong khi các ấn phẩm in ấn đang cố gắng duy trì vai trò chủ chốt có phần suy yếu của mình bất chấp ảnh hưởng gia tăng từ phương tiện truyền thông phát sóng, thì giờ đây dường như người ta đã bắt đầu nghi ngờ khả năng tồn tại lâu dài của chúng. Tuy nhiên, sẽ rất vội vàng nếu chúng ta dự đoán sự sụp đổ của báo viết tại thời điểm này, đặc

biệt khi tổng số báo phát hành vẫn tiếp tục tăng tại nhiều nơi trên thế giới, kể cả ở các nước như Ấn Độ và Brazil.

Thật vậy, không ai có thể đoán trước được các công nghệ viễn thông mới nổi sẽ tác động đến truyền thông như thế nào trong những năm tới. Nhưng chính vì sự thay đổi đang diễn ra quá nhanh chóng và tương lai thì lại không hề chắc chắn, đây là thời điểm đặc biệt thích hợp để chúng ta mở một cuộc điều tra lớn hơn về mối quan hệ giữa dân chủ và truyền thông. Đây là một vấn đề không nhận được nhiều sự chú ý như mong đợi từ giới học thuật, đặc biệt từ phía các nhà khoa học chính trị và các nhà nghiên cứu dân chủ khác.¹ Trong những trang tiếp theo, tôi sẽ cung cấp một số phản ánh ban đầu về mối quan hệ giữa dân chủ và truyền thông, những cách thức mà mối quan hệ ấy được giải quyết bởi một số nhà tư tưởng chính trị hàng đầu trong quá khứ và những thay đổi mà nó đã phải trải qua cùng với sự tiến bộ của nền dân chủ hiện đại và công nghệ.

Chính phủ đại diện và báo chí

Nền dân chủ được sinh ra trong các thành phố Hy Lạp cổ đại, những nơi không hề có phương tiện truyền thông được hiểu như trong ngữ cảnh này. Nhưng chắc chắn rằng những thành phố đó có các nhà thơ, người hát rong, nhà viết kịch, nhà hùng biện, và tại đây, nghệ thuật biểu diễn và thuyết phục được tinh lọc ở trình độ cao. Tuy nhiên, các cuộc thảo luận và tranh cãi mang tính chính trị trong các *thành bang (polis)* Hy Lạp được diễn ra trực tiếp trong các hội đồng (*ekklesia*), cơ quan vừa có quyền lập pháp vừa có quyền ra quyết định đối với tất cả các vấn đề về chính sách cộng đồng, trong đó có vấn đề chiến tranh và hòa bình. Một phần vì dân chủ được hiểu là việc yêu cầu đích thân công dân nhóm họp lại và bàn bạc trực tiếp – địa điểm đặt hội đồng thành Athens là sườn đồi Pnyx – nên trong một thời gian dài, hình thức chính phủ này được cho rằng chỉ có tính khả thi trong các thành bang. Đến tận giữa thế kỉ 18, các triết gia chính trị lỗi lạc như Montesquieu và Rousseau cho rằng chỉ có những chính thể rất nhỏ mới có thể hoạt động theo chế độ dân chủ.²

Trái lại, nền dân chủ hiện đại được dựa trên nguyên tắc mới “các đại biểu do chính nhân dân bầu chọn sẽ là đại diện của nhân dân trong cơ quan lập pháp”.³ Dân chủ đại diện được sinh ra trong thời đại truyền thông in ấn. Tất nhiên, bản thân thuật ngữ “phương tiện truyền thông” đã không được sử dụng cho đến mãi sau này. Trong nhiều thế kỉ, thay vì nói “báo chí” (the press), con người đã sử dụng một thuật ngữ mô tả công nghệ in ấn để đề cập tới các phương tiện giao tiếp khác nhau dựa trên các ấn phẩm. Ngày nay chúng ta nghĩ về thuật ngữ lỗi thời này chủ

yếu đề cập tới báo chí và tạp chí xuất bản định kỳ. Nhưng ban đầu thuật ngữ này cũng bao gồm cả sách, như chúng ta thấy nó được phản ánh trong tên của các nhà xuất bản hiện đại như Nhà xuất bản Đại học Oxford hay Harvard (Oxford/Havard University Press).

Ở Anh, những trận chiến lớn hồi thế kỉ 17 nhằm ủng hộ tự do báo chí, do các nhân vật xuất chúng như John Milton và John Locke tiến hành, đã tập trung vào việc cấp giấy phép cho máy in. Cả hai cuốn sách nhỏ mang tựa đề *Areopagitica* của Milton viết về bảo vệ “quyền tự do in ấn không cấp phép” được xuất bản năm 1644 và bản ghi nhớ cá nhân năm 1695 của Locke bày tỏ thái độ chống lại việc gia hạn Luật Cấp phép đều chỉ ra rằng kẻ thù của tự do xuất bản là các nhà chức trách của Giáo hội và nhà nước.⁴ Luật Cấp phép, thực tế đã được Quốc hội sửa đổi vào năm 1692 sau cuộc Cách mạng Huy hoàng nhưng ngay sau đó lại mất hiệu lực vào năm 1695, được xây dựng để ngăn chặn trước việc xuất bản các tác phẩm dị giáo và ly giáo cũng như những tác phẩm nổi loạn hay phản nghịch. Cuộc đấu tranh ủng hộ quyền tự do xuất bản có sự liên kết mật thiết với công cuộc đại tự do của thời kỳ Khai sáng.

Mặc dù sự ủng hộ định hướng Khai sáng về quyền tự do báo chí không có nghĩa ngụ ý kêu gọi quyền tự do cá nhân không hạn chế, huống hồ là nền dân chủ. Trong số các nhà triết học nổi danh của thời đại Khai sáng, chỉ có Spinoza mới nổi kết được một cách rõ ràng sự tự do ngôn luận với dân chủ: Chương cuối của *Luận thuyết Thần học Chính trị (Theologico-Political Treatise)* có tựa đề “Trong một Quốc gia Tự do, mỗi người có thể Nghĩ điều họ Muốn và Nói điều họ Nghĩ,” và Spinoza chỉ rõ rằng dân chủ, với tư cách là “hình thức tự nhiên nhất của việc cai trị” cũng là chế độ phù hợp nhất để đạt được mục tiêu này.⁵ Ngược lại, David Hume, trong bài luận “Về Tự do Báo chí” (“Of the Liberty of the Press”) năm 1742 của mình, lập luận rằng việc tự do “thông tin cho công chúng bất kì điều gì chúng ta muốn” là đặc biệt phổ biến ở những nước có chính quyền hỗn hợp như của Anh, trái ngược với những quốc gia “hoàn toàn theo chế độ quân chủ” hay “hoàn toàn theo chủ nghĩa cộng hòa”.⁶

Việc sự ủng hộ quyền tự do báo chí được tách biệt hẳn với sự ủng hộ nền dân chủ đã đạt tới mức độ rõ ràng trong văn bản nhìn chung được coi là đạo luật đầu tiên quy định một cách rành mạch về tự do báo chí – một pháp lệnh hoàng gia của Thụy Điển năm 1766 có tên gọi “Pháp lệnh Liên quan tới Quyền tự do Viết lách và Báo chí.” Pháp lệnh mở đầu bằng lời ghi nhận “những lợi thế lớn bắt nguồn từ sự tự do hợp pháp của việc viết lách và báo chí”, thể hiện ở chỗ “một sự khai sáng lẫn nhau không giới hạn trong các chủ đề hữu ích khác nhau không chỉ thúc đẩy sự

phát triển và phổ biến của khoa học và nghề thủ công hữu ích mà còn tạo ra những cơ hội lớn hơn cho các thần dân trung thành của Chúng ta được nâng cao kiến thức và nhận thức đầy đủ về một hệ thống chính quyền được tổ chức khôn khéo.” Mặc dù việc kiểm duyệt trước đó đã bị bãi bỏ, nhưng Pháp lệnh hoàng gia này vẫn xác nhận những hình phạt pháp lý nghiêm khắc đối với những ấn phẩm “phạm thượng chống lại Thiên Chúa” hay “xem thường quan điểm của chúng ta và Hoàng gia.”⁷

Tuy nhiên, nếu chuyển sang những xác nhận chính thức đầu tiên của Bắc Mỹ về nguyên tắc tự do báo chí, chúng ta sẽ tìm thấy thứ ngôn ngữ chính trị rất khác và một vài mục tiêu chính trị bên cạnh mục tiêu của thời kỳ Khai sáng, thể hiện trong một bức thư vào tháng 10 năm 1774 của Đại Hội Quốc hội Lục địa (First Continental Congress) gửi tới người dân Quebec. Bức thư liệt kê ra năm quyền “mà không có những quyền ấy con người sẽ không thể sống tự do và hạnh phúc”, mở đầu là quyền của con người có tiếng nói trong chính quyền của họ thông qua các đại biểu mà họ bầu chọn. Việc kể đến quyền thứ năm, “quyền tự do báo chí”, được giải thích như sau:

Tâm quan trọng của điều này không chỉ bao gồm việc thúc đẩy chân lý, khoa học, đạo đức và nghệ thuật nói chung trong việc truyền bá những quan điểm tự do dưới sự quản lý của chính phủ, mà còn cả sự sẵn sàng trao đổi tư tưởng giữa các đối tượng và vì vậy thúc đẩy tình đoàn kết giữa họ, qua đó các quan chức hay áp bức cảm thấy xấu hổ và sợ hãi, khiến họ chuyển sang những cách thức tiến hành công việc công bằng và có danh dự hơn.⁸

Các chức năng chính trị đặc biệt của báo chí ở đây không chỉ bao gồm việc truyền bá “các quan điểm tự do” về chính phủ, mà ngoài ra còn tạo điều kiện thuận lợi cho truyền thông cũng như sự hợp nhất giữa nhân dân, đồng thời phơi bày và hạn chế hành vi của quan chức nhà nước. Trong các *thành bang* cổ đại, người ta không cần đến các phương tiện truyền thông viết tay hay in ấn nào để thực hiện những chức năng sau cùng đó. Tuy nhiên, nếu một dân tộc muốn cai quản và tự trị một lãnh thổ rộng lớn thì việc có được một thứ giống như tự do báo chí là điều cần thiết.

Ý tưởng về một nước cộng hòa được mở rộng hoặc có quy mô lớn là một sự đổi mới chính trị của Mỹ hồi thế kỷ 18, vốn được làm rõ một cách toàn diện lần đầu tiên trong tập bài viết *Federalist* (gồm 85 bài viết của Alexander Hamilton, James Madison và John Jay nhằm kêu gọi phê chuẩn Hiến pháp Hoa Kỳ - NBT). Lập luận chống lại truyền thống gắn các nước cộng hòa với các chính thể nhỏ, các tác giả của tập *Federalist* cho rằng bằng cách “mở rộng phạm vi” của chính phủ cộng hòa, người ta có thể khiến nó ít bị tổn thương hơn trước những mối đe dọa bề ngoài và do đó có thể đảm bảo các quyền công dân tốt hơn: Như James Madison đã nói

trong tờ *Federalist* 51, “xã hội càng rộng lớn, miễn là nằm trong một không gian thực tế, thì chính phủ sẽ càng có nhiều khả năng tự quản hơn.” Phạm vi mà Madison đề xuất mở rộng theo như bản chất tự nhiên của nó phải là “không gian công cộng” – không phải theo ý nghĩa lý tính - phê phán mang tính giai cấp nhưng có vẻ mỹ miều là “không gian công cộng tư sản”⁹ như lời của Jurgen Habermas, mà chỉ đơn giản là một đấu trường trong đó các công dân tự quản có thể thảo luận về các vấn đề chính trị mà họ đối mặt. Chính vì điều này, vai trò của báo chí là không thể thiếu được.

Điều kỳ lạ là mặc dù ban đầu tờ *Federalist*, được công bố dưới dạng một loạt các bài tiểu luận báo chí, nhưng bản thân tờ báo lại hầu như chẳng nói gì về vai trò của báo chí. Thậm chí trong một chương dành để bác bỏ phản đối cho rằng Liên bang sẽ là quá rộng lớn đối với chính phủ cộng hòa, Madison đã nhấn mạnh tới các yếu tố địa lý như khả năng tập hợp các đại biểu tại thủ đô và chỉ ra những cải thiện sắp tới về giao thông vận tải hơn là thảo luận về vai trò của báo chí trong việc tạo điều kiện thông tin liên lạc thuận lợi giữa các vùng miền trong nước.

Một trong những tác phẩm đầu tiên chỉ ra mối liên kết rõ ràng giữa tự do báo chí với quy mô lớn của các quốc gia hiện đại, đó chính là cuốn “*Các nguyên tắc chính trị có thể áp dụng cho tất cả chính phủ (Principles of Politics Applicable to All Governments) (1810)*” của tác giả Benjamin Constant – một nhà tư tưởng chính trị lỗi lạc. Constant không hạn chế tranh luận của mình vào chỉ các chính phủ dân chủ hoặc thậm chí là các chính quyền tự do. Như ông đã nói: “Trong các chính thể quy mô lớn của thời kì hiện đại, tự do báo chí là phương tiện duy nhất đảm bảo tính công khai, và vì vậy dưới bất cứ loại chính phủ nào cũng là biện pháp đặc biệt để bảo vệ các quyền của chúng ta.” Ông lưu ý rằng trong thời La Mã cổ đại, nạn nhân của sự bất công có thể trình bày ở quảng trường công cộng về những oan trái mà anh ta gặp phải. Ông nói thêm, “Tuy nhiên trong thời đại của chúng ta, việc bành trướng các quốc gia lại là một trở ngại đối với hình thức phản kháng này. Những bất công nhỏ vẫn luôn ít được biết đến đối với hầu hết tất cả người dân trong những quốc gia rộng lớn.”¹⁰ Chỉ có sự tự do báo chí mới giúp con người nhận biết được những sự lạm dụng mà chính phủ của họ có thể gây ra.

Các đảng chính trị, truyền thông và xã hội công dân

Sự phân tích vững chắc và nghiêm túc đầu tiên về vai trò của báo chí trong nền dân chủ hiện đại mà tôi được biết là trong tác phẩm *Chế độ dân chủ ở Mỹ (Democracy in America)* của Alexis de Tocqueville. Phần thứ nhất tập một trong

cuốn sách này, được xuất bản vào năm 1835, nói về chính quyền nhà nước và địa phương và ba nhánh của chính phủ liên bang được thiết lập bởi Hiến pháp Hoa Kỳ. Tiếp đó, ngay mở đầu phần hai của tập đầu tiên, Tocqueville khẳng định rằng, sau khi đã tìm hiểu các thể chế, luật thành văn và các thể thức của Hoa Kỳ, kể đến ông sẽ trình bày về thứ sức mạnh chủ quyền đứng trên tất cả những thứ đó – hay sức mạnh của nhân dân. Ba chương tiếp theo vì vậy lần lượt nói về các đảng chính trị, báo chí, và các hiệp hội chính trị.¹¹

Ba lĩnh vực đó - ngày nay chúng ta thường gọi chúng là các đảng chính trị, các phương tiện truyền thông và xã hội dân sự - cung cấp các kênh mà qua đó ý kiến của người dân được hình thành và truyền tải. Chúng không có vai trò chính thức nào trong chính phủ và không được đề cập trong Hiến pháp Hoa Kỳ, ngoại trừ việc Tuyên ngôn Nhân quyền (Bill of Rights) ngăn cấm chính phủ liên bang xâm phạm vào sự tự do báo chí, lập hội, kiến nghị, và hội họp. Tuy nhiên, bất chấp địa vị dưới hay ngoài hiến pháp của các đảng, các phương tiện truyền thông và xã hội dân sự, kinh nghiệm cho thấy các nền dân chủ hiện đại không thể hoạt động mà thiếu chúng; đồng thời, chúng cũng có ảnh hưởng sâu sắc đối với chất lượng và tính bền vững của nền dân chủ. Vì vậy không có gì đáng ngạc nhiên khi các chương trình hỗ trợ dân chủ quốc tế hiện nay đều tập trung chủ yếu vào hỗ trợ các đảng dân chủ chính trị, các cơ quan truyền thông, và các nhóm xã hội dân sự.

Tại sao Hiến pháp không công nhận hay quy định một cách rõ ràng về ba lĩnh vực vốn liên kết xã hội với nhà nước này? Có một vài lý giải như sau. Thứ nhất, những khai quốc công thần của Hoa Kỳ không lường trước được vai trò chính mà các đảng phái chính trị sẽ phải thực hiện – trên thực tế họ không hề chào đón vai trò này. Thứ hai, người ta cho rằng các đảng phái hay báo chí và hiệp hội chính trị chủ yếu thuộc về lĩnh vực tư nhân chứ không phải thuộc về các tổ chức của nhà nước với cơ cấu và quyền hạn được quy định trong Hiến pháp. Thứ ba, và có liên quan đến điều này, thực tế cho thấy các tổ chức thuộc các lĩnh vực trung gian này không nhất thiết phải là những tổ chức cố định, như các thể chế của cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp của chính phủ. Trong thực tế, các lĩnh vực trung gian đó đã trải qua những thay đổi lớn lao về cơ cấu thành phần theo thời gian. Các tổ chức truyền thông, các đảng chính trị, và các hiệp hội mới đủ các loại thường được gây dựng nên, và phần lớn những tổ chức lâu đời đều biến mất. Vì ba lĩnh vực trên được liên kết với nhau, những thay đổi của một trong ba lĩnh vực này thường sẽ ảnh hưởng đến hai lĩnh vực còn lại. Hơn nữa, sự biến đổi hình dạng của xã hội nói chung chắc chắn có tác động đến tính chất của các tổ chức chính thức đó.

Điều này đặc biệt đúng đối với truyền thông, lĩnh vực chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi sự phát triển kinh tế và những tiến bộ trong công nghệ. Lẽ dĩ nhiên, đó chính là lý do vì sao thuật ngữ mang tính truyền thống “báo chí” đã được thay thế bằng “các phương tiện truyền thông đại chúng” – thuật ngữ này phản ánh sự nổi lên mang tính cách mạng của phát thanh và truyền hình (và bây giờ là mạng Internet) như là các phương thức hàng đầu trong việc truyền đạt tin tức và ý kiến.

Mặc dù thuật ngữ “các phương tiện truyền thông” (“media”) không được sử dụng rộng rãi bên ngoài phạm vi quảng cáo cho tới những thập kỷ gần đây nhưng nó đã được chính thức quốc tế hóa sớm hơn mong đợi. Điều XIX của Tuyên bố Liên hợp Quốc năm 1948 về Quyền Con người không đề cập rõ ràng tới quyền tự do của báo chí, nhưng tuyên bố rằng:

Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận và bày tỏ quan điểm. Quyền này bao gồm sự tự do giữ quan điểm mà không bị can thiệp, và được tự do tìm kiếm, thu nhận và quảng bá tin tức và tư tưởng qua mọi phương tiện truyền thông bất kể biên giới.

Tuy nhiên, sự phát triển của phát thanh và truyền hình cũng mang lại một sự biến minh mới giúp các chính phủ đóng vai trò chủ động trong việc giám sát các phương tiện truyền thông. Trong khi ai cũng có thể xây dựng và vận hành một tờ báo in mà không cần tác động đến các tờ báo khác, tính chất hạn chế của sự phân bố phát sóng có nghĩa là sự gia nhập vào lĩnh vực này phải bị giới hạn. Ở nhiều quốc gia, phát thanh đã được thành lập như một lĩnh vực độc quyền nhà nước. Tuy nhiên, Hoa Kỳ lại duy trì quyền sở hữu chung tần số phát thanh, đồng thời phát triển một hệ thống cấp phép giúp các đài phát thanh tư nhân và thương mại có thể được sử dụng các tần sóng. Vì vậy, các chính phủ dân chủ vẫn giữ trách nhiệm vận hành hoặc điều tiết các phương tiện truyền thông phát sóng, một điều mà họ đã bãi bỏ đối với báo in.

Điều đáng chú ý là sự im lặng của Hiến pháp Hoa Kỳ đối với vấn đề quản lý truyền thông đã thường không được noi theo bởi các hiến pháp dân chủ gần đây. Ví dụ, Hiến pháp năm 1992 của Ghana (Hiến pháp này cũng bao gồm một chương phụ nói về việc điều chỉnh các đảng chính trị) có một chương đầy đủ mang tên “Sự Tự do và Độc lập của Truyền thông”. Chương này đảm bảo sự tự do và độc lập của các phương tiện truyền thông đại chúng, đồng thời xác định trách nhiệm của báo chí và trình bày chi tiết cơ cấu của một Ủy ban Truyền thông Quốc gia có trách nhiệm giám sát báo chí và bổ nhiệm các thành viên hội đồng quản trị cho cơ quan truyền thông thuộc sở hữu nhà nước. Xu hướng tạo ra các cơ quan có thẩm quyền theo hiến pháp để giám sát phương tiện truyền thông đại chúng cần được các nhà

nghiên cứu chủ nghĩa lập hiến quan tâm nhiều hơn. Ngoài ra, việc nghiên cứu so sánh cách thức hoạt động của các “ủy ban”, “hội đồng” và “chính quyền” được thành lập cho mục đích này ở các nước trên thế giới cũng là một vấn đề cần thiết.

Các hệ thống truyền thông ở Châu Âu và Hoa Kỳ

Các nền dân chủ được thiết lập lâu đời ở châu Âu và Bắc Mỹ có sự khác biệt đáng kể về đặc điểm của các phương tiện truyền thông đại chúng, và tại đây đặc điểm này cũng đã trải qua những thay đổi rõ rệt theo thời gian. Như trong nghiên cứu xuất sắc *Sự Ra đời của Truyền thông (The Creation of the Media)* năm 2004 của Paul Starr, ông chỉ ra rằng, ở Mỹ, các phương tiện truyền thông đại chúng phát triển khác hoàn toàn so với ở châu Âu và đã có nhiều biến đổi từ thời kỳ thuộc địa cho đến tận thế kỷ 20.¹² Và như Daniel Hallin và Paolo Mancini chỉ ra trong cuốn sách *So sánh các Hệ thống Truyền thông (Comparing Media Systems)*, cũng được xuất bản năm 2004, các phương tiện truyền thông đại chúng đã được cấu trúc theo những quy tắc hoàn toàn khác nhau trong các khu vực khác nhau của thế giới phương Tây.¹³

Một biến số quan trọng để phân biệt các hệ thống truyền thông đại chúng giữa các quốc gia và theo thời gian là cách thức mà chúng tương tác với các lĩnh vực liên quan như các đảng chính trị và xã hội dân sự. Từ chỗ cố gắng giữ quan điểm chính trị trung lập trong thời kỳ thuộc địa (khi mà họ còn phụ thuộc vào thiện chí và ngân sách của chính phủ), sau này báo chí Mỹ đã chuyển sang tán thành một đường lối chính trị nào đó trong suốt cuộc Cách mạng và hậu Cách mạng, hay thiết lập những mối quan hệ trực tiếp với các đảng phái chính trị trong những năm 1830, rồi lại ngày càng trở nên độc lập vào cuối thế kỷ 19. Sự ra đời của truyền thông phát sóng trong nửa đầu của thế kỷ 20 dưới sự kiểm soát mang tính điều tiết của chính phủ liên bang đã tạo ra nhiều động lực hơn cho xu hướng phi đảng phái.

Trái lại, tại hầu hết các nước châu Âu, ngày càng nhiều báo chí theo đảng phái tiếp tục phát triển mạnh mẽ khi bước vào thế kỷ thứ 20, trước khi bắt đầu suy giảm. Hallin và Mancini sử dụng thuật ngữ “song song chính trị” (political parallelism) để mô tả “mức độ mà hệ thống truyền thông đại chúng phản ánh sự chia rẽ chính trị chủ yếu trong xã hội.” Hai trong những nước điển hình nhất của hiện tượng này là Đan Mạch trong những năm đầu thế kỷ 20, “khi mỗi thành phố có bốn tờ báo, đại diện cho bốn đảng chính trị lớn”; và Hà Lan vào cuối những năm 1960, nơi truyền thống lâu đời về việc tách biệt các ấn phẩm Công giáo, Tin Lành và xã hội chủ đã được đưa vào hệ thống phát thanh truyền hình đại chúng, theo đó thời gian trên các kênh phát thanh công cộng được phân chia cho các nhóm có liên

kết với các cộng đồng này. Mô hình sau đã khơi mào cho Hallin và Mancini hình thành nên khái niệm “đa dạng bên ngoài” (external pluralism), theo đó mỗi cơ quan truyền thông đại diện cho quan điểm của một mảng cụ thể trong xã hội, nhưng toàn bộ hệ thống truyền thông đại chúng lại có tính đa dạng rộng lớn. Ngược lại, các quốc gia mà tại đó mỗi cơ quan truyền thông hàng đầu đều hướng đến mục đích cân bằng và đa dạng ngay trong các bản tin của mình được coi là tiêu biểu cho “sự đa dạng nội bộ” (internal pluralism).

Hallin và Mancini xác định ba mô hình chính của các hệ thống phương tiện truyền thông: 1) Đặc điểm “Mô hình đa dạng phân cực” của Nam Âu, 2) “Mô hình tập đoàn dân chủ” của Bắc Âu và các nước Trung Âu nói tiếng Đức (bao gồm cả nước Áo) và 3) “Mô hình tự do” của các nước Bắc Đại Tây Dương. Tuy nhiên, họ lập luận rằng, vấn đề toàn cầu hóa và các nhân tố khác đang tạo ra một sự hội tụ rộng khắp hướng tới Mô hình Tự do. Đây là một mô hình đặc trưng bởi một nền báo chí chính trị “trung lập” và thương mại, sự đa dạng nội bộ, báo chí định hướng thông tin, và tính chuyên nghiệp mạnh mẽ. Và quả thật, mọi thứ dường như đang theo hướng đi đó ngay tại thời điểm mà họ chấp bút, lúc đó báo chí theo phong cách Mỹ đang ở đỉnh cao của uy tín toàn cầu và ngày càng xâm nhập các nước khác trên thế giới. Mặc dù vậy, ngày nay lại phát sinh ra những dấu hiệu cho thấy mô hình này đang bị bào mòn tại chính nước Mỹ, một phần là do kết quả của những ngành công nghệ mới. Do vậy, nếu Hoa Kỳ vẫn dẫn đầu về phát triển truyền thông thì xét cho cùng Mô hình Tự do chưa chắc đã thay thế các kiểu mô hình khác.

Sự phai nhạt của Mô hình Tự do

Tôi cho rằng Mô hình Tự do đã đạt tới thời kỳ cực thịnh ở Mỹ trong những năm cuối thế kỷ 20. Năm 1972, ngay trong lần phân tích truyền thông đại chúng duy nhất trước đây của mình, tôi đã tham gia vào một nghiên cứu về việc đưa tin tức truyền hình của những cuộc bầu chọn ứng cử viên tổng thống căng thẳng của đảng Dân chủ. Trong những ngày đó, các chương trình thời sự buổi tối dài ba mươi phút của ba mạng lưới truyền hình thương mại - CBS, NBC và ABC - đã có ảnh hưởng chính trị rất lớn. Hầu hết người Mỹ đã nhận được tin tức từ truyền hình, và ba chương trình này đóng một vai trò quan trọng trong việc sắp xếp chương trình nghị sự chính trị và tạo ra động lực cho các chiến dịch bầu cử. Nghiên cứu mà tôi tham gia đã không đưa ra được sự khác biệt đáng kể nào trong việc đưa tin giữa ba mạng lưới. Thực tế, họ dường như thường đi theo sự dẫn dắt lẫn nhau. Nhưng điều nghiên cứu của chúng tôi phát hiện ra là tình trạng căng thẳng liên tục, thậm chí là sự đối kháng nhau giữa các ứng cử viên và nhà báo.

Chắc chắn rằng bộ phận tin tức của các đài truyền hình này hướng đến mục tiêu đảm bảo tính khách quan, mặc dù có thể có trường hợp sự nhạy cảm và thế giới quan của họ sẽ thiên về phái trung tả trong đài. Nhưng dù thế đi chăng nữa, sự đối lập giữa các ứng cử viên và nhà báo hầu hết không liên quan đến đảng phái hay ý thức hệ. Đúng hơn là căng thẳng này xuất phát từ các nỗ lực của các phóng viên nhằm đưa các hành động và lời nói của các ứng cử viên vào các chủ đề mang kịch tính mà giới phóng viên sử dụng để hình thành nên các bản tin của mình.

Khi các ứng cử viên cố gắng đưa ra quan điểm chính sách của mình, các phóng viên thường bỏ qua hoặc giải thích những phát biểu mà họ đưa ra là nhằm củng cố vị thế cạnh tranh của họ hay để giành được sự ủng hộ của một nhóm cử tri nào đó. Và khi các nhà báo phỏng vấn các ứng cử viên, những câu hỏi thường tập trung vào các lý do khiến các chiến dịch của họ lại trở nên tồi tệ hơn hoặc tốt hơn mong đợi – và tất nhiên các phóng viên mong rằng họ sẽ là những người đầu tiên đặt các câu hỏi này. Có thể hiểu được là các ứng cử viên rất thất vọng vì họ không thể truyền tải nguyên vẹn những thông điệp của mình đến các cử tri mà không bị sàng lọc hay bị xuyên tạc. Và xu hướng chung của việc đưa tin – hiển nhiên coi chiến dịch chủ yếu như một trò chơi hoặc “một cuộc đua ngựa” – hoàn toàn có khả năng khiến cử tri phải hoài nghi. Dĩ nhiên trong những năm sau đó, các ứng cử viên và trợ lý của họ đã thành thạo hơn trong việc “thêu dệt” quan điểm, nhưng điều này chỉ khiến cho các nhà báo ngày càng nỗ lực hơn để phơi bày ra những tuyên bố không thành thật của họ, dẫn tới kết quả là căng thẳng giữa hai bên.

Trong thời gian này, uy tín của các nhà báo tăng vọt, và các phương tiện truyền thông không những phải chú trọng nhiều hơn vào vai trò giám sát của mình trong việc phát hiện ra các vụ bê bối và phi pháp, mà còn phải tuyên bố sự quan tâm sâu sắc của mình trong việc đại diện cho những người chống lại chính phủ cầm quyền. Trong một nghĩa nào đó, bên truyền thông đã tìm cách tự đảm nhiệm vai trò của phe đối lập từng là nhiệm vụ của đảng không cầm quyền. Đương nhiên, việc truyền thông tuyên bố cam kết tính khách quan và phi đảng phái không cho phép họ đưa ra những sự lựa chọn chính sách thay thế, nhưng họ không hề né tránh những nỗ lực thiết lập chương trình nghị sự chính trị. Mặc dù tiếng nói từ cả hai cực chính trị (tả và hữu) đều tấn công sự “bá quyền” của các phương tiện truyền thông đại chúng chủ đạo, nhưng sự chỉ trích này gần như không được công chúng ủng hộ. Cách hiểu nổi bật nhất – và đặc biệt là sự tự nhận thức – về các nhà báo xuất hiện lúc đó cho rằng họ thuộc về một tầng lớp quý tộc đảng cấp gồm những chuyên gia có đầu óc và khách quan chuyên ủng hộ người dân chống lại các giới chức thiếu năng lực hoặc xấu xa trong các cơ quan chính phủ và tổ chức khác. Mô hình này, vốn được thúc đẩy bởi các nhà báo anh hùng phát hiện ra vụ bê bối

Watergate và truất quyền một tổng thống sai trái, đã bắt đầu lan rộng đến các nền dân chủ khác.

Tuy nhiên, tình hình hiện giờ đang bắt đầu khác đi, ít nhất là tại Hoa Kỳ, báo giấy đang dần không còn được lưu thông, tin tức truyền hình cáp theo các đảng phái thu hút được nhiều khán giả, qua đó gây bất lợi cho các mạng lưới (đại chúng), đồng thời mạng Internet cùng các phương tiện truyền thông mới nhanh chóng gây ảnh hưởng nhiều hơn. Sự quá tự tin hay thậm chí kiêu ngạo của những cơ quan truyền thông mà nhiều người gọi là truyền thông “di sản” hay truyền thông “thời khủng long” đang nhường chỗ cho sự không chắc chắn và hoài nghi. Các anh hùng truyền thông mới là những blogger và “các nhà báo công dân”. Ngày càng nhiều tiếng nói đại diện nhiều quan điểm đang tìm cách tham gia vào các tranh luận của cộng đồng. Các chính trị gia đang thử nghiệm những cách thức mới để đi vòng qua các kênh truyền thông và kết nối trực tiếp hướng với cử tri. Ít nhất, tại thời điểm này, các xu hướng công nghệ và kinh tế đang dẫn dắt những thay đổi này không có dấu hiệu bị đảo ngược. Kết quả hứa hẹn sẽ là một không gian công cộng đa dạng với nhiều tư tưởng khác nhau. Trong bối cảnh lịch sử Mỹ, người ta có thể nói đến sự quay lại của cảnh quan truyền thông mang tính phân mảnh và có tính đảng phái hơn vốn phổ biến trong thế kỷ 19, khi mà báo chí luôn bảo vệ quan điểm của mình, giọng điệu và cách tiếp cận của những tờ báo đó tương tự như trên các weblog ngày nay.

Nhưng theo như nhiều người quan sát, và không chỉ các thành viên của bên truyền thông “di sản”, ngay cả khi được coi là mang tính tích cực trong nhiều khía cạnh, sự phát triển này cũng tồn tại một nhược điểm nổi bật. Các phương tiện truyền thông đại chúng chiếm ưu thế vào nửa sau của thế kỷ 20 có một số ưu điểm đáng kể. Chúng đã khuyến khích những tiêu chuẩn cao về tính chuyên nghiệp và thúc đẩy những nỗ lực thực sự nhằm đảm bảo tính khách quan – đó là những phẩm chất mà các chuyên gia truyền hình cáp hay các nhà báo nghiệp dư sử dụng phương tiện truyền thông mới có lẽ sẽ không thể có được. Hơn nữa, các phương tiện truyền thông vào cuối thế kỷ 20 đã cung cấp những nguồn tin đáng tin cậy và thúc đẩy một vũ đài công luận trên phạm vi rộng lớn. Chúng ta hoàn toàn có lý khi lo sợ rằng thế giới truyền thông manh mún mới nổi sẽ dẫn đến tình trạng ngày càng xuất hiện nhiều khán giả có nhu cầu chuyên biệt và các công dân sẽ cập nhật tin tức từ các nguồn phản ánh những sở thích và quan điểm chính trị riêng. Những mối quan ngại đó đang thúc đẩy sự nhìn nhận tích cực mới về vai trò cũ gần như bị lãng quên của các phương tiện truyền thông đại chúng trong một chế độ dân chủ - đó là vai trò tạo nên tình đoàn kết giữa các công dân và để họ ý thức được họ là một phần trong cộng đồng chung.

Như tôi đã nói ngay từ đầu, chúng ta không thể biết được cuộc cách mạng thông tin liên lạc ngày nay sẽ đi tới đâu. Tôi suy đoán rằng chúng ta đang hướng tới một môi trường truyền thông đa nguyên hơn và cũng phân mảnh hơn, ngay cả khi nó có nền tảng vững chắc, suy đoán của tôi có thể chỉ phản ánh một xu hướng nhất thời. Nhưng nếu xu hướng này tiếp tục bền vững, nó sẽ gây ra một số nguy hiểm thực sự. Vì vậy, chúng ta cần suy nghĩ kỹ và tìm biện pháp chống lại xu hướng truyền thông đang có nguy cơ làm xói mòn lĩnh vực dân sự chung cần thiết cho nền dân chủ. Đồng thời, suy nghĩ về mối quan hệ lịch sử giữa các phương tiện truyền thông và dân chủ cũng cho thấy chúng ta không nên quá hoảng loạn. Vì mối quan hệ này đã trải qua rất nhiều biến đổi qua nhiều thế kỷ, nhưng nền dân chủ vẫn tiếp tục tồn tại và phát triển mạnh mẽ.

Chú thích

1. Trong những năm qua, có lẽ *Tạp chí Dân chủ* phát hành các bài báo viết về truyền thông ít hơn về bất kỳ khía cạnh hay thể chế quan trọng nào khác của dân chủ. Điều này phần nào phản ánh sự khan hiếm bản thảo viết về truyền thông đã được gửi cho chúng tôi. Tôi suy đoán rằng điều này có thể liên quan đến sự thống trị của các nhà khoa học chính trị trong các độc giả và những người đóng góp học thuật của chúng tôi, vì có rất nhiều nghiên cứu về truyền thông diễn ra tại các trường truyền thông hoặc báo chí. Họ đã phát triển cách tiếp cận riêng, thuật ngữ chuyên môn riêng và các tạp chí riêng. Tuy nhiên vẫn còn hơi khó hiểu là các nhà khoa học chính trị không chú ý nhiều đến vai trò của truyền thông. Có lẽ điều này sẽ thay đổi khi con người quan tâm nhiều hơn tới các phương tiện truyền thông mới. Đáng chú ý là một số viện nghiên cứu chính sách đã tuyển thêm các nghiên cứu viên toàn thời gian chủ yếu viết về các vấn đề liên quan đến Internet và các công nghệ truyền thông mới.
2. Montesquieu, *Spirit of the Laws*, bk. VIII, ch. 16; Jean-Jacques Rousseau, *Social Contract*, bk. III, ch. 15.
3. *Federalist 9*.
4. John Milton, *Areopagitica*, có tại www.dartmouth.edu/milton/reading_room/areopagitica. Bản ghi nhớ cá nhân năm 1695 của John Locke phê phán đề xuất sửa đổi Luật Cấp phép có thể được tìm thấy trong Lord Peter King, *The Life of John Locke* (London: Henry Colburn, 1830), in lại trong Justin Hughes, "Locke's 1694 Memorandum (And More Incompetent Copyright Historiographies)," *Cardozo Arts & Entertainment Law Journal* 27, no. 3, <http://cardozoaeij.com/wp-content/uploads/Journal%20Issues/Volume%2027/Issue%203/Hughes.pdf>.

5. Spinoza, *Theologico-Political Treatise*, trans. R.H.M. Elwes (New York: Dover, 1951), ch.20.
6. David Hume, "Of the Liberty of the Press" (1742), reprinted in Philip B. Kurland and Ralph Lerner, eds., *The Founders' Constitution* (Chicago: University of Chicago Press, 1986), http://press-pubs.uchicago.edu/founders/documents/amendI_speechs2.html.
7. King Adolphus Frederick, "His Majesty's Gracious Ordinance Relating to Freedom of Writing and the Press" (1766), trans. Peter Hogg. Có tại <http://rtieng.wordpress.com/2011/07/29/the-worlds-first-freedom-of-information-act>.
8. "Continental Congress to the Inhabitants of the Province of Quebec" (26 October 1774), reprinted in Philip B. Kurland and Ralph Lerner, eds., *The Founders' Constitution* (Chicago: University of Chicago Press, 1986), http://press-pubs.uchicago.edu/founders/documents/amendI_religions20.html.
9. Jurgen Habermas, *The Structural Transformation of the Public Sphere: An Inquiry into a Category of Bourgeois Society*, trans. Thomas Burger (Cambridge: MIT Press, 1991).
10. Benjamin Constant, *Principles of Politics Applicable to All Governments* (1815), trans. Dennis O'Keefe, ed. Etienne Hofmann (Indianapolis: Liberty Fund, 2003), bk. VII, ch. 3, 110-11. See also ch. 4, 112.
11. Alexis de Tocqueville, *Democracy in America*, dịch, biên tập và giới thiệu bởi Harvey C. Mansfield & Della Winthrop (Chicago: University of Chicago Press, 2000).
12. Paul Starr: *The Creation of the Media: Political Origins of Modern Communications* (New York: Basic, 2004).
13. Daniel C. Hallin and Paolo Mancini, *Comparing Media Systems: Three Models of Media and Politics* (Cambridge University Press, 2004).

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu

được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đông đảo độc giả quan tâm.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, nghiencuuquocte@gmail.com
